

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT

Ngày: 16-5-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, Yêu cầu hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Văn Hùng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản, Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 60/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 64/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2019, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 462/TB-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị M (Đào Thị L), sinh năm: 1963; cư trú tại xóm 4, thôn A1, xã Y, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đinh Thị Kim L1, sinh năm: 1970; cư trú tại số 178, thôn B, xã Z, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 0955, quyền số 10-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng NVT chứng nhận ngày 15/5/2018), có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1961; cư trú tại thôn QL, xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn T1, sinh năm: 1962;
2. Anh Phan Văn T2, sinh năm: 1980;
3. Anh Phan Minh T3, sinh năm: 1996;
4. Anh Phan Minh T4, sinh năm: 1995;

Cùng cư trú tại số 211, thôn A2, xã Y, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, tất cả đều vắng mặt.

5. Văn phòng công chứng Võ TTH (Văn phòng công chứng Đơn Dương cũ); trụ sở: số 118, đường HTT, thị trấn TM, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Võ TTH, sinh năm: 1959; cư trú tại số 118, đường HTT, thị trấn TM, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng).

- Bà Trần Thị H, sinh năm: 1979; cư trú tại số 118, đường HTT, thị trấn TM, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2018), vắng mặt.

6. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng; trụ sở số 36 đường TP, Phường C, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn PT, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

- Ông Lê VH, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018), vắng mặt.

Người kháng cáo:

Bà Đào Thị M (Đào Thị L) - Nguyên đơn; bà Trần Thị A – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Đào Thị M (L) và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của bà Đinh Thị Kim L1, người đại diện theo ủy quyền của bà M thì:

Do quen biết với nhau nên bà M có cho bà Trần Thị A vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/7/2017 (âm lịch) bà M cho bà A vay 300.000.000đ, thỏa thuận bà A phải trả mỗi ngày 10.000.000đ, trong thời hạn 30 ngày phải thanh toán đủ số tiền 300.000.000đ;

+ Ngày 08/8/2017 (âm lịch) bà M cho bà A vay 300.000.000đ, thỏa thuận bà A phải trả mỗi ngày 10.000.000đ, trong thời hạn 30 ngày phải thanh toán đủ số tiền 300.000.000đ;

+ Ngày 12/10/2017 (dương lịch) bà M tiếp tục cho bà A vay 300.000.000đ, thỏa thuận bà A phải trả mỗi ngày 10.000.000đ, trong thời hạn 30 ngày phải thanh toán đủ số tiền 300.000.000đ.

Tất cả các khoản vay trên đều có viết giấy nhận nợ, bà A đã trả được 300.000.000đ vào ngày 21/8 âm lịch (ngày 10/10/2017 dương lịch); còn nợ lại 600.000.000đ. Bà M đã nhiều lần yêu cầu bà A trả số tiền còn thiếu nhưng bà A vẫn không thực hiện việc trả nợ. Nay bà M có đơn khởi kiện yêu cầu bà A phải trả số tiền 600.000.000đ còn nợ nói trên.

Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết, ngày 25/12/2017 bà M có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", đề nghị phong tỏa tài sản của ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A đối với lô đất có diện tích 3.125m² thuộc các thửa 106, 756, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Tòa án cũng đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ nhưng sau đó được biết bà Trần Thị A, ông Phan Văn T1, anh Phan Minh T3, anh Phan Văn T2 đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Phan Minh T4 và các bên đã làm xong thủ tục sang tên cho anh T4 vào ngày 22/12/2017. Việc làm này của bà A nhằm tẩu tán tài sản vì biết bà M đã khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền 600.000.000đ nói trên. Do vậy bà M đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 giữa anh Phan Minh T4 và ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 đồng thời hủy phần điều chỉnh sang tên anh Phan Minh T4 tại trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất nói trên.

- Bà Trần Thị A thừa nhận có vay của bà M là 600.000.000đ; cụ thể ngày 14/9/2017 (dương lịch) bà vay của bà M 280.000.000đ, viết giấy thành 300.000.000đ; mỗi ngày trả góp là 10.000.000đ; ngày 27/9/2017 đã trả góp được 130.000.000đ, sau đó bà có vay thêm của bà M 280.000.000đ cũng viết giấy thành 300.000.000đ thỏa thuận mỗi ngày trả 10.000.000đ, do đó sau ngày 27/9/2017 mỗi ngày bà phải đóng cho bà M 20.000.000đ của hai khoản vay vừa nêu, đóng đến ngày 14/10/2017 thì đủ cho số tiền vay 14/9/2017. Ngày 12/10/2018 bà vay của bà M thêm 280.000.000đ cũng viết giấy thành 300.000.000đ và thỏa thuận mỗi ngày trả 10.000.000đ. Do vậy từ ngày 12/10/2017 bà vẫn đóng cho bà M mỗi ngày là 20.000.000đ, đóng đến ngày 13/10/2017 bà không đóng tiếp nữa lý do bà vay tiền của bà M về để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch lãi suất nhưng họ không trả cho bà nên bà không

có tiền để tiếp tục trả cho bà M. Ngày 25/10/2017 bà có trả thêm cho bà M 50.000.000đ. Như vậy tổng số tiền bà trả cho bà M là 530.000.000đ nên nay bà chỉ còn nợ bà M 370.000.000đ.

Việc bà M yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, ông Phan Văn T2, ông Phan Minh T3 và ông Phan Minh T4 thì bà không đồng ý vì diện tích đất 3.125m² thuộc các thửa 106, 756 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng là tài sản riêng của ông Phan Văn T1, ông T1 muốn cho ai thì cho việc bà ký vào hợp đồng tặng cho là do ông T1 yêu cầu bà ký chứ bà hoàn toàn không biết gì. Ông T1 cũng không ép buộc bà ký vào hợp đồng tặng cho này.

- Theo lời trình bày của ông Phan Văn T1 thì ông không biết việc bà Trần Thị A mượn tiền bà Đào Thị M. Trong thực tế thì ông và bà A đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, các bên làm kinh tế riêng; trước khi ly thân ông, bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ cho Nhà nước và trả nợ cho bà A ở ngoài. Sau này bà A có chuyển nhượng thêm một mảnh đất nhưng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất này ông không dùng đến và bà A sử dụng để trả nợ riêng của bà A. Từ năm 2012 ông, bà ly thân thì có thỏa thuận lô đất thuộc các thửa đất số 756, thửa 106 nói trên là tài sản riêng của ông. Nay bà M yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và hủy cập nhật tên anh Phan Minh T4 vào trang những thay đổi bổ sung sau khi cấp Giấy chứng nhận thì ông không đồng ý vì việc tặng cho trên là hoàn toàn đúng pháp luật.

- Anh Phan Văn T2 và Phan Minh T3 không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 và hủy cập nhật tên anh Phan Minh T4 tại trang những thay đổi bổ sung sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do việc tặng cho quyền sử dụng đất thuộc các thửa 106, 756 nói trên giữa các anh và anh T4 là hoàn toàn hợp pháp không vi phạm quy định pháp luật. Hiện nay anh T4 đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trên. Đối với việc tranh chấp giữa bà Đào Thị M và bà Trần Thị A các anh hoàn toàn không biết và không có liên quan gì.

- Theo lời trình bày của anh Phan Minh T4 thì anh cũng không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 và hủy cập nhật tên của anh tại trang những thay đổi bổ sung sau khi cấp Giấy chứng nhận. Anh xác nhận việc tặng cho quyền sử dụng lô đất thuộc các thửa 106, 756, tờ bản đồ số 16, xã G, huyện X giữa bà Trần Thị A, ông Phan Văn T1, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh là hoàn toàn hợp pháp. Hiện nay anh đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trên. Đối với việc tranh chấp giữa bà Đào Thị M và bà Trần Thị A anh hoàn toàn không biết và không có liên quan gì.

- Theo lời trình bày của bà Trần Thị H, người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng Võ TTH, thì vào ngày 19/12/2017 Văn phòng công

chứng Võ TTH có nhận yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo hồ sơ lưu tại Văn phòng công chứng Võ TTH thì hợp đồng trên có số 1257, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên tặng cho ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Minh T3, anh Phan Văn T2 và bên được tặng cho là anh Phan Minh T4 đối với thửa đất số 106, 756, tờ bản đồ số 16 diện tích 3.125m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/6/2002. Việc Văn phòng công chứng Võ TTH công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật trên cơ sở các bên tự nguyện thỏa thuận và nội dung chứng thực không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không bị tranh chấp, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án. Việc bà Đào Thị M yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên thì Văn phòng công chứng Võ TTH không đồng ý.

- Theo lời trình bày của ông Lê VH, người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng, thì vào ngày 19/12/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X nhận hồ sơ của ông Phan Văn T1 chuyển cho anh Phan Minh T4, thửa đất số 106, 756 tờ bản đồ số 16, diện tích 3.125m² (trong đó 300m² đất ONT + 2.825m² đất HNK) theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất số 6775 quyền 04/2017 TP/CC-SCT/HĐGD.

Ngày 21/12/2017 Chi nhánh đã lập phiếu chuyển thông tin địa chính gửi đến Chi cục Thuế huyện X để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, số 3557/PC.TTĐC. Đồng thời Chi nhánh xác nhận biến động trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002 chuyển bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ một của Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng để giao trả kết quả.

Nay bà Đào Thị M yêu cầu Tòa án hủy cập nhật tên anh Phan Minh T4 vào trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002 thì Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng không đồng ý vì hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T1 cho anh Phan Minh T4 đã được lập và giải quyết theo đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành. Yêu cầu Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Đối với việc cung cấp thông tin cho Tòa án sai ngày 25/12/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X thì vì lý do lỗi phần mềm theo dõi hồ sơ thực hiện của Chi nhánh nên dẫn đến việc cung cấp thông tin hồ sơ của ông Phan Văn T1 chuyển cho anh Phan Minh T4 bị sai lệch chưa kịp thời.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 31/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị M: buộc bà Trần Thị A trả cho bà Đào Thị M số tiền 600.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị M về việc: Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 được Văn phòng công chứng Võ TTH công chứng số 1257, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 và hủy cập nhật tên anh T4 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cập nhật ngày 21/12/2017 tại trang những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 14/6/2002.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/12/2018 bà M (L) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 ngày 19/12/2017.

Ngày 11/12/2018, bà A kháng cáo không đồng ý thanh toán cho bà M (Lan) số tiền 300.000.000đ trong tổng số tiền 600.000.000đ mà Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa,

Các đương sự vẫn giữ nguyên kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M và bà A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà M nhiều lần cho bà A vay tiền, tuy nhiên khi đến hạn bà A không trả nợ vì các bên không thống nhất được với nhau về số tiền đã vay nên các bên phát sinh tranh chấp, ngoài ra để đảm bảo cho việc thi hành án sau này bà M yêu cầu tuyên Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 đối với lô đất có diện tích 3.125m² thuộc các thửa 106, 756, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay tiền giữa bà M và bà A là có xảy ra trên thực tế, được các đương sự đều thừa nhận. Tuy nhiên bà A cho rằng đã trả

cho bà M tổng cộng 570.000.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn chỉ mới trả được 300.000.000đ nên lời trình bày của bà A là không có cơ sở xem xét. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà A phải trả số tiền 600.000.000đ cho bà M là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 được Văn phòng công chứng Võ TTH công chứng số 6775, quyền số 04/2017TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 về việc ông T1, bà A, anh T2, anh T3 tặng cho anh T4 các thửa đất số 106, 756, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.125m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 14/6/2002 thì thấy rằng, diện tích đất nói trên được cấp cho hộ ông Phan Văn T1, được xem đây là tài sản chung của các thành viên của hộ ông T1 tại thời điểm cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên, cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; phong tỏa toàn bộ diện tích đất nói trên là chưa chính xác. Bên cạnh đó quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên được ban hành vào ngày 25/12/2017, trong khi đó Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên được công chứng vào ngày 19/12/2017; ngày 21/12/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X đã lập phiếu chuyển thông tin địa chính gửi đến Chi cục Thuế huyện X để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, số 3557/PC.TTĐC. Chi cục Thuế huyện X đã ra Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số 3800/CCT-TB ngày 22/12/2017 cho anh Phan Minh T4 và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân số 3800/TB-CC ngày 22/12/2017 cho ông Phan Văn T1; đến ngày 25/12/2017 thì anh T4 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X làm thủ tục đăng ký biến động sang tên tại trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002. Như vậy tại thời điểm bà M có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (ngày 25/12/2017) thì việc chuyển quyền sử dụng đất giữa các bên đã hoàn tất, bên nhận chuyển quyền đã được cơ quan chức năng thực hiện việc đăng ký biến động nên Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 đối với lô đất có diện tích 3.125m² thuộc các thửa 106, 756, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 14/6/2002 đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 459 và Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; nội dung xác minh của Tòa án nhân dân huyện X đối với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X ngày 25/12/2017 về việc tại thời điểm xác minh diện tích đất vừa nêu chưa được thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất thì đã được trả lời tại Công văn số 27/CN.VPĐKĐĐ ngày 15/5/2018 theo đó

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cho biết do lỗi phần mềm nên dẫn đến việc cung cấp thông tin cho Tòa án bị sai lệch.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì "Kể từ thời điểm Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người khác thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án; Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó”.

Như vậy tại thời điểm bà A tặng cho phần quyền sử dụng đất của mình thì không có Bản án, quyết định nào của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến trách nhiệm phải thi hành án của bà A cũng như bà A không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án nên việc nguyên đơn cho rằng bà A lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T4 là hành vi tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho là không có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên của nguyên đơn và hủy cập nhật tên anh Phan Minh T4 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cập nhật ngày 25/12/2017 tại trang những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002.

[4] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; kháng cáo của bà A về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tuy nhiên phần Quyết định của Bản án có sự nhầm lẫn về số liệu của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (số 6775, quyền số 04/2017TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 ghi thành số 1257, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017) và ngày cập nhật tên của anh T4 trong trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên (ngày 25/12/2017 ghi thành ngày 21/12/2017) nên cần điều chỉnh lại phần này.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M và bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị M (Đào Thị L) và kháng cáo của bà Trần Thị A, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị M (Đào Thị L) đối với bà Trần Thị A về việc: "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc bà Trần Thị A phải trả cho bà Đào Thị M (Đào Thị L) số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị M (Đào Thị L) đối với bà Trần Thị A về việc: "Yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T1, bà Trần Thị A, anh Phan Văn T2, anh Phan Minh T3 và anh Phan Minh T4 được Văn phòng công chứng Võ TTH công chứng số 6775, quyển số 04/2017TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 đối với lô đất có diện tích 3.125m²; trong đó đất ở nông thôn là 300m² và đất trồng cây hàng năm là 2.825m² thuộc các thửa 106, 756, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã G, huyện X, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002; không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị M (Đào Thị L) về việc hủy cập nhật tên anh Phan Minh T4 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Lâm Đồng cập nhật ngày 25/12/2017 tại trang những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T738860 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2002.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Thị A phải chịu 28.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đào Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 14.300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004783 ngày 25/12/2017 và số

AA/2016/0004880 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà M được nhận lại số tiền 14.00.000đ tiền án phí còn thừa.

+ Án phí phúc thẩm:

Bà Đào Thị M (Đào Thị L) phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011124 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng; bà M đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011130 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng; bà A đã nộp đủ án phí.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch